

Số: /BC-LNKL

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành quy định về trồng rừng thay thế; quản lý rừng bền vững; phân định ranh giới rừng và điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tổ chức tổng kết việc thi hành các thông tư quy định về trồng rừng thay thế; quản lý rừng bền vững; phân định ranh giới rừng và điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng¹. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo Thông tư

Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đang được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo động lực phát triển đất nước nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững. Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định còn chồng chéo, bất cập, cản trở sự phát triển; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Đối với lĩnh vực lâm

¹ (1) Thông tư số 08/2017/TT-BNNPTNT ngày 28/3/2017; (2) Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025; (3) Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

nghiệp, đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện các quy định về điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, quản lý cơ sở dữ liệu lâm nghiệp và ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên rừng.

Ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng tăng cường tính linh hoạt, giao các cơ quan quản lý nhà nước chủ động quy định các nội dung chuyên môn, kỹ thuật phù hợp với thực tiễn quản lý. Cùng với đó, Kết luận số 221-KL/TW ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục yêu cầu các bộ, ngành rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo từng lĩnh vực nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với yêu cầu phát triển và mô hình tổ chức chính quyền địa phương mới.

Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, nhiệm vụ hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển được xác định là một trong những đột phá chiến lược, trong đó tập trung xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững. Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới tiếp tục xác định nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và khả thi; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định không còn phù hợp, chồng chéo hoặc phát sinh vướng mắc trong thực tiễn thi hành.

Thực hiện chủ trương nêu trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 2093/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 10/4/2026, Ban Chỉ đạo ban hành Quyết định số 05/QĐ-BCĐ về Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó yêu cầu các bộ, ngành tổ chức rà soát toàn diện hệ thống văn bản thuộc phạm vi quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, bên cạnh yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước, quá trình hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế về phát triển bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế xanh và chuyển đổi số đang đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định chuyên ngành theo hướng hiện đại, minh bạch, đồng bộ và phù hợp với thông lệ quốc tế. Xu hướng quản lý rừng bền vững, phát triển chứng chỉ rừng, tăng cường ứng dụng công nghệ số, viễn thám, trí tuệ nhân tạo và cơ sở dữ liệu số trong quản lý tài nguyên rừng đang trở thành yêu cầu tất yếu đối với công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 1818/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về bổ sung Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 và Văn bản số 4954/BNNMT-LNKL ngày 18/5/2026 về tổng kết, đánh giá thực hiện các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thi hành các quy định về trồng rừng thay thế, quản lý rừng bền vững, phân định ranh giới rừng, điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Kết quả rà soát bước đầu cho thấy hệ thống văn bản hiện hành cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; tuy nhiên một số quy định đã phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, một số nội dung không còn phù hợp với quy định mới của Luật Lâm nghiệp và yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay, cần tiếp tục được rà soát, hoàn thiện và hợp nhất nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, dễ áp dụng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Ngày 18/5/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 4954/BNNMT-LNKL gửi các tỉnh, thành phố về việc tổng kết, đánh giá thực hiện các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm và đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định của các thông tư, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

Tính đến ngày 30/6/2026, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã nhận được 26/34 báo cáo tổng kết, đánh giá của các tỉnh, thành phố. Các báo cáo cơ bản được xây dựng nghiêm túc, bám sát đề cương hướng dẫn, phản ánh tương đối đầy đủ tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm tại địa phương.

Kết quả tổng hợp báo cáo cho thấy, các địa phương đã chủ động ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ về trồng rừng thay thế, quản lý rừng bền vững, điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên rừng.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tổ chức rà soát các quy định pháp luật hiện hành, đối chiếu với các quy định mới của Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thi hành của từng nhóm chính sách. Đồng thời, tiến hành rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm nhằm xác định những nội dung cần kế thừa, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Kết quả tổng kết là cơ sở thực tiễn quan trọng để đánh giá toàn diện việc thi hành các quy định hiện hành; xác định những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và

những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn; từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và xây dựng Thông tư quy định chi tiết một số điều và các biện pháp tổ chức thi hành Luật Lâm nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 và Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 được ban hành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tổ chức hướng dẫn, phổ biến và theo dõi việc triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước². Các nội dung hướng dẫn được lồng ghép trong các chương trình công tác, hội nghị chuyên ngành, các lớp tập huấn, biên tập tài liệu tuyên truyền (sổ tay hướng dẫn thẩm quyền, nhiệm vụ và thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; các tài liệu khác) và hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm việc thực hiện thống nhất, đồng bộ giữa các tỉnh, thành phố.

Trên cơ sở các quy định của Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã chủ động ban hành các kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và các chương trình công tác để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Các sở, ngành liên quan, đặc biệt là cơ quan quản lý lâm nghiệp, kiểm lâm, các ban quản lý rừng và chủ rừng đã tổ chức rà soát các nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch thực hiện, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị và địa phương cấp cơ sở.

Công tác tuyên truyền, phổ biến và tập huấn được các địa phương quan tâm triển khai thường xuyên. Nội dung các thông tư được phổ biến thông qua các hội nghị triển khai văn bản quy phạm pháp luật, hội nghị chuyên đề, các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, cán bộ quản lý lâm nghiệp, chủ rừng và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Nhiều địa phương đã lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các chương trình bảo vệ và phát triển rừng, các hoạt động truyền thông cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Đối với các nội dung chuyên môn như trồng rừng thay thế, quản lý rừng bền vững, điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, các địa phương đã tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ, chuyển giao biểu mẫu, quy trình kỹ thuật, cập nhật các quy định mới cho đội ngũ cán bộ thực hiện. Nhiều địa phương đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS), ảnh viễn

² Văn bản số 986/LNKL-CSPC ngày 29/6/2025 của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm về việc triển khai thực hiện một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; Văn bản số 73/LNKL-CSPC ngày 12/01/2026 của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm về việc triển khai Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

thám và các phần mềm chuyên ngành trong công tác quản lý, cập nhật và theo dõi tài nguyên rừng.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật được tăng cường thông qua các chương trình kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế; xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; công tác điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng cũng như việc tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ tại địa phương. Qua công tác kiểm tra, nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn đã được kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ; đồng thời phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành các quy định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được thực hiện tương đối đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, góp phần đưa các quy định của pháp luật vào thực tiễn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp, tạo cơ sở cho việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên phạm vi cả nước.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

2.1. Về trồng rừng thay thế:

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai công tác trồng rừng thay thế (văn bản số 51/BNMT-LNKL ngày 06/01/2026, văn bản số 4567/BNMT-LNKL ngày 08/5/2026); Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã ban hành văn bản triển khai Thông tư số 84/2025/TT-BNMT ngày 31/12/2025 (văn bản số 73/LNKL-CSPC ngày 12/01/2026); báo cáo kết quả thực hiện trồng rừng thay thế (văn bản số 925/LNKL-KHTC ngày 14/4/2026).

- Các tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa đơn giá trồng rừng thay thế (TRTT) sát với biến động thị trường, cụ thể: Đắk Lắk, Gia Lai, Lạng Sơn, An Giang, Tây Ninh, Cà Mau, Lai Châu; Đà Nẵng có chính sách hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn từ nguồn TRTT với mức 55.000.000 đồng/ha.

- Các địa phương đã chủ động rà soát, ban hành Kế hoạch và giao đơn vị trồng rừng thay thế theo quy định của Điều 21 Luật Lâm nghiệp, như: Tuyên Quang, Tây Ninh, Sơn La, Lạng Sơn, Gia Lai, Thanh Hóa,...

- Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư từng bước được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ thời điểm nộp tiền theo quy định của pháp luật. Phú Thọ đã thu nộp 118,7 tỷ đồng; Quảng Ngãi đạt tỷ lệ thu 100% đối với các dự án đang triển khai. Nhiều tỉnh đạt diện tích lũy kế lớn như Lào Cai (3.128,7 ha), Gia Lai giao kế hoạch thực hiện 1.433,60 ha trong năm 2026.

- Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT về trồng rừng thay thế quy định mở rộng đối tượng đất TRTT, qua đó giúp các địa phương triển khai thuận lợi hơn đối với diện tích rừng phòng hộ.

b) Bất cập, hạn chế:

- Một số dự án đã nộp tiền vào Quỹ tình quá 12 tháng nhưng chưa có kế hoạch chi, còn để tồn đọng tiền tại Quỹ;

- Quỹ đất dành cho TRTT ở một số địa phương, đặc biệt các tỉnh công nghiệp hóa hoặc tỉnh miền núi phần lớn diện tích núi đá, độ dốc cao không phù hợp cho hoạt động trồng rừng, như: Bắc Ninh không còn quỹ đất lâm nghiệp để TRTT; TP. Huế gặp khó khăn do đất đã giao ổn định cho chủ rừng. Diện tích đất trống còn lại thường manh mún, dốc lớn, xa khu dân cư (như tại Cao Bằng, Tây Ninh), làm tăng chi phí thực tế vượt định mức.

- Đối với các trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế trước khi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP có hiệu lực, một số đơn vị còn lúng túng, chưa thực hiện được việc quyết toán kinh phí.

2.2. Về quản lý rừng bền vững:

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

- Công tác xây dựng phương án quản lý rừng bền vững (QLRBV) đã được các chủ rừng là tổ chức quan tâm, triển khai thực hiện. Theo số liệu thống kê, hiện nay các chủ rừng nhà nước đã xây dựng, phê duyệt phương án, đạt trên 83,5% về số lượng chủ rừng và 96% về diện tích rừng.

- Diện tích rừng đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững tăng mạnh. Tính đến tháng 6/2026, có 880 nghìn ha rừng trồng sản xuất đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, đạt 88% mục tiêu đến năm 2030 là 1 triệu ha rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Trong đó, khoảng 630 nghìn ha được cấp chứng chỉ FSC, hơn 283 nghìn ha được cấp chứng chỉ VFCS/PEFC và khoảng 33 nghìn ha được cấp đồng thời cả hai loại chứng chỉ.

- Đã xây dựng và phát triển hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia VFCS/PEFC có giá trị quốc tế, ngày càng được các chủ rừng lựa chọn để đăng ký cấp chứng chỉ rừng.

- Việc giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và nhóm hộ có tổ chức hoạt động du lịch sinh thái đã tạo điều kiện thuận lợi cho chủ rừng triển khai các quy định của pháp luật, đưa công tác quản lý rừng bền vững đi vào nề nếp.

b) Bất cập, hạn chế:

- Thông tư chưa quy định cụ thể về tần suất, biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, gây khó khăn cho việc tổng hợp, giám sát của cơ quan quản lý.

- Sau khi phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt, việc triển khai thực hiện các nội dung của phương án còn hạn chế do thiếu kinh phí, nhất là các diện tích rừng của Nhà nước quản lý.

- Chưa có cơ chế đầy đủ về cung cấp, chia sẻ thông tin giữa tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và cơ quan quản lý nhà nước.

- Cán bộ chuyên môn tại các đơn vị chủ rừng và cấp xã còn thiếu và hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu về dữ liệu và hồ sơ kỹ thuật ngày càng cao.

2.3. Về phân định ranh giới và điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng:

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

- Về điều tra rừng:

- + Tại Trung ương: Viện Điều tra, Quy hoạch rừng đã áp dụng các quy định của Thông tư trong quá trình thực hiện nhiệm vụ điều tra rừng tại các tỉnh vùng Tây Nguyên (tham mưu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 1999/QĐ-BNN-KL ngày 27/6/2024, được điều chỉnh tại Quyết định số 4757/QĐ-BNN-KL ngày 25/12/2024); đồng thời thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia phục vụ công tác quản lý rừng bền vững” theo Quyết định số 3208/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- + Tại địa phương: Hiện nay, các địa phương thực hiện nhiệm vụ điều tra rừng tại địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 06/02/2024 và các văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024, số 3901/BNN-KL ngày 31/5/2024, số 6090/BNN-KL ngày 16/8/2024.

- Về kiểm kê rừng: hiện nay, các tỉnh vùng Tây Nguyên đang áp dụng quy định để thực hiện nhiệm vụ kiểm kê rừng tại địa phương theo Thông báo kết luận số 226 của Văn phòng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ (Văn bản số 4522/BNNMT-LNKL ngày 18/7/2025; Văn bản số 6321/BNNMT-LNKL ngày 04/9/2025).

- Về theo dõi diễn biến rừng: Năm 2025, có 34/34 tỉnh, thành phố đã công bố hiện trạng rừng; Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã công bố hiện trạng rừng toàn quốc tại Quyết định số 1106/QĐ-BNNMT ngày 31/3/2026.

b) Bất cập, hạn chế:

Theo quy định tại (i) điểm c khoản 1 Điều 104 Luật Lâm nghiệp và (ii) Điều 19 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT thì nhiệm vụ “theo dõi diễn biến rừng” thuộc cơ quan Kiểm lâm; (iii) Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT quy định việc thực hiện quy trình “kiểm kê rừng” tại cấp xã thuộc Hạt Kiểm lâm. Mặt khác, thực tiễn hiện nay hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng do lực lượng kiểm lâm quản lý, cập nhật và đang thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn quốc.

Tuy nhiên, tại điểm c khoản 6 Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có nội dung “*giúp UBND cấp xã tổ chức thực hiện ... kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng...*”.

Nội dung này dẫn đến có sự chồng chéo về nhiệm vụ kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng giữa Hạt Kiểm lâm và Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường của cấp xã. Do vậy, đề xuất trong quá trình sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 cần phải phân định rõ những nhiệm vụ của Kiểm lâm (theo quy định tại Điều 104 Luật Lâm nghiệp) trên địa bàn cấp xã do kiểm lâm chủ trì thực hiện và cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã là cơ quan phối hợp để đảm bảo thống nhất thực hiện.

2.4. Về tập huấn nghiệp vụ cho Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng:

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

Công tác tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ được triển khai rộng khắp tại các địa phương với hàng nghìn lượt cán bộ, công chức, tổ chức, cá nhân có liên quan được đào tạo, tập huấn; trong đó Nghệ An tổ chức 72 lớp cho 5.760 lượt người, Lâm Đồng tổ chức tập huấn cho 2.040 lượt người....³

b) Bất cập, hạn chế:

- Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách tại các Ban quản lý thường xuyên biến động, xin nghỉ việc do thu nhập thấp, gây lãng phí kinh phí đào tạo, tập huấn (Lâm Đồng, Quảng Ngãi).

- Tình trạng mua bán động vật hoang dã trái pháp luật trên không gian mạng tăng mạnh, trong khi lực lượng Kiểm lâm thiếu kỹ năng thu thập chứng cứ điện tử để xác minh, xử lý.

³ **Lạng Sơn:** Tổ chức 282 cuộc tập huấn về PCCCR và tuyên truyền pháp luật cho khoảng 10.000 lượt cán bộ cấp xã, chủ rừng và tổ bảo vệ rừng; tổ chức 15 cuộc diễn tập PCCCR. Riêng năm 2026 đã tập huấn cho 2.172 người; **Phú Thọ:** Tổ chức 54 lớp tập huấn chuyên môn (18 lớp cho kiểm lâm, 27 lớp cho lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng, 9 lớp cho cơ sở chế biến), tập huấn công nghệ cho 315 công chức và cử 1.251 lượt cán bộ; **TP Đà Nẵng:** triển khai tổ chức khoảng 30 đợt tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng kiểm lâm và chuyên trách bảo vệ rừng; **Tuyên Quang:** tổ chức tập huấn cho 1.044 lượt công chức, trong đó 282 lượt về nghiệp vụ quản lý công cụ hỗ trợ/vũ thuật và 762 lượt về nghiệp vụ bảo vệ rừng; **Vĩnh Long:** tổ chức 07 lớp tập huấn chuyên môn dành riêng cho kiểm lâm và bảo vệ rừng chuyên trách với 122 lượt người tham dự, tuyên truyền cho người dân 324 lớp với 8.704 người tham gia; **Điện Biên:** tổ chức 06 lớp tập huấn cho lực lượng bảo vệ rừng của các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ với 64 học viên; **Bắc Ninh:** hằng năm tổ chức trung bình khoảng 13 lớp tập huấn cho kiểm lâm và lực lượng chuyên trách với tổng số 650 lượt người tham gia; **Gia Lai** tổ chức từ 3-4 lớp/năm (40-45 học viên/lớp), trong 6 tháng đầu năm 2026, tổ chức 242 đợt tuyên truyền cho 13.690 người và 01 lớp bồi dưỡng cho 135 cán bộ cấp xã; **Ninh Bình** tổ chức trên 10 hội nghị/năm, năm 2026 tập huấn kỹ năng Flycam/viễn thám cho 40 người và nghiệp vụ PCCCR cho 102 người; **Quảng Ngãi** từ đầu năm 2026 đến nay tổ chức 02 lớp tập huấn về Flycam và diễn biến rừng cho 86 học viên, tổ chức 1.141 cuộc tuyên truyền trực tiếp cho 57.914 lượt người; **Tây Ninh:** năm 2025 tổ chức 01 cuộc diễn tập cấp tỉnh (300 người tham gia); năm 2026 tổ chức thực tập phương án PCCCR tại VQG Lò Gò - Xa Mát.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc:

Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương và kết quả rà soát việc tổ chức thực hiện các quy định hiện hành cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện vẫn còn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

a) Về trồng rừng thay thế:

- Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai, rà soát quỹ đất, ban hành kế hoạch và giao đơn vị thực hiện của một số địa phương còn chậm.

- Việc thực hiện trồng rừng thay thế tại nhiều địa phương đang gặp khó khăn do quỹ đất lâm nghiệp đủ điều kiện để bố trí trồng rừng thay thế ngày càng hạn hẹp. Phần lớn diện tích đất phù hợp đã được giao ổn định cho các chủ rừng hoặc nằm tại khu vực có địa hình phức tạp, độ dốc lớn, khó tổ chức đầu tư trồng rừng theo quy định. Tình trạng thiếu quỹ đất dẫn đến việc nhiều địa phương gặp khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế bằng hình thức tự tổ chức trồng rừng.

- Một số quy định liên quan đến cơ chế quản lý và sử dụng nguồn tiền trồng rừng thay thế còn phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Về quản lý rừng bền vững:

Việc triển khai các phương án quản lý rừng bền vững tại nhiều địa phương còn gặp khó khăn về nguồn lực tài chính. Các hoạt động chuyên môn có yêu cầu kỹ thuật cao như điều tra chuyên đề, giám sát đa dạng sinh học, đánh giá tài nguyên rừng và điều tra trữ lượng các-bon chưa được bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện thường xuyên.

Bên cạnh đó, hệ thống văn bản hiện hành chưa quy định cụ thể chế độ báo cáo kết quả thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, bao gồm tần suất báo cáo, nội dung báo cáo và biểu mẫu thống nhất trên phạm vi cả nước. Cơ chế phối hợp, trao đổi và chia sẻ thông tin giữa các tổ chức cấp chứng chỉ rừng quốc tế với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương còn hạn chế, ảnh hưởng đến công tác theo dõi, giám sát và quản lý diện tích rừng được cấp chứng chỉ.

c) Về phân định ranh giới rừng và điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng:

Các địa phương có phản ánh khó khăn về tình trạng thiếu đồng bộ giữa cơ sở dữ liệu lâm nghiệp và cơ sở dữ liệu đất đai. Sự khác biệt về hệ tọa độ, phương pháp thành lập bản đồ, thời điểm cập nhật và nền dữ liệu kỹ thuật đã dẫn đến nhiều trường hợp chồng lấn, sai khác ranh giới giữa hồ sơ quản lý rừng và hồ sơ địa chính, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước và giải quyết tranh chấp đất đai.

Một số định mức kinh tế - kỹ thuật đang được áp dụng được ban hành từ nhiều năm trước, chưa được cập nhật phù hợp với điều kiện thực tiễn, đặc biệt đối

với chi phí nhân công, vật tư và thiết bị. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến công tác lập dự toán, tổ chức lựa chọn nhà thầu và triển khai các nhiệm vụ điều tra rừng, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng.

Việc ứng dụng công nghệ số, công nghệ viễn thám và các thiết bị hiện đại trong quản lý tài nguyên rừng cũng còn gặp nhiều khó khăn. Một số quy định hiện hành chưa tạo điều kiện để đầu tư các thiết bị chuyên dụng có độ chính xác cao như máy định vị GPS chuyên ngành, thiết bị bay không người lái (UAV), hệ thống xử lý ảnh viễn thám hoặc công nghệ giám sát rừng hiện đại. Đồng thời, hiện chưa có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật riêng cho việc ứng dụng UAV, ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái và các công nghệ số trong điều tra, giám sát tài nguyên rừng.

d) Về tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng:

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin, các hành vi vi phạm pháp luật về động vật hoang dã trên không gian mạng ngày càng gia tăng với phương thức, thủ đoạn phức tạp. Tuy nhiên, nội dung tập huấn chuyên môn nghiệp vụ hiện nay chưa cập nhật đầy đủ các kỹ năng về thu thập, khai thác và sử dụng chứng cứ điện tử phục vụ công tác kiểm tra, xác minh, xử lý vi phạm.

3.2. Nguyên nhân của các tồn tại, bất cập:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Diện tích rừng lớn, phân bố trên địa bàn rộng, nhiều khu vực thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, địa hình chia cắt mạnh, giao thông khó khăn làm gia tăng chi phí thực hiện các hoạt động điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, bảo vệ rừng so với các định mức được xây dựng trong điều kiện thông thường.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trong thời gian qua có nhiều thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách thể chế, phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số. Việc có nhiều quy định mới được ban hành trong thời gian ngắn đòi hỏi cơ quan quản lý và lực lượng thực thi tại địa phương phải thường xuyên cập nhật, điều chỉnh quy trình chuyên môn và tổ chức thực hiện.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp tại nhiều địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn ngày càng gia tăng. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ điều tra rừng, theo dõi diễn biến rừng cũng như hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Công tác rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành chưa theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ và biến

động của thị trường lao động, vật tư, thiết bị. Nhiều định mức được ban hành từ lâu nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ làm công tác lâm nghiệp ở cơ sở và một số chủ rừng còn hạn chế, đặc biệt đối với các kỹ năng về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS), viễn thám và quản lý dữ liệu số, trong khi yêu cầu quản lý hiện đại và chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp ngày càng cao.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Qua quá trình triển khai thực hiện các quy định hiện hành và tổng hợp ý kiến của các địa phương cho thấy, bên cạnh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, đã xuất hiện nhiều yêu cầu quản lý mới cần được nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp.

a) Hoàn thiện cơ chế thực hiện trồng rừng thay thế trong điều kiện quỹ đất ngày càng hạn chế:

Tại nhiều địa phương, quỹ đất đủ điều kiện để thực hiện trồng rừng thay thế ngày càng thu hẹp, trong khi nhu cầu thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế tiếp tục phát sinh từ các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng nguồn tiền trồng rừng thay thế; cơ chế điều phối, chuyển nguồn lực giữa các địa phương; đồng thời nghiên cứu các giải pháp bảo đảm hiệu quả đầu tư phát triển rừng trong trường hợp không còn quỹ đất phù hợp để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương.

Bên cạnh đó, thực tiễn phát sinh nhiều trường hợp đặc thù như hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng rừng với quy mô nhỏ; các dự án tồn tại sai phạm trong trình tự chuyển mục đích sử dụng rừng nhưng được cơ quan có thẩm quyền cho phép khắc phục hậu quả. Đây là những nội dung chưa được quy định đầy đủ trong hệ thống văn bản hiện hành.

b) Quản lý rừng bền vững với các cơ chế tài chính xanh và thị trường các-bon:

Xu hướng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thị trường các-bon đang ngày càng rõ nét. Nhiều chủ rừng đã quan tâm đến việc quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển chứng chỉ rừng và khai thác các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, tín chỉ các-bon và các cơ chế tài chính xanh khác. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu hoàn thiện các quy định về quản lý rừng bền vững; tăng cường cơ chế giám sát, báo cáo và chia sẻ thông tin; đồng thời nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ chủ rừng tiếp cận các cơ chế tài chính mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

c) Chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu lâm nghiệp:

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và thiết bị bay không người

lái (UAV) trong quản lý tài nguyên rừng đang trở thành xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, hệ thống dữ liệu lâm nghiệp hiện nay vẫn còn phân tán, thiếu đồng bộ với cơ sở dữ liệu đất đai và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Do đó, thực tiễn đặt ra yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu lâm nghiệp thống nhất trên phạm vi toàn quốc; hoàn thiện quy định về chuẩn hóa dữ liệu, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng và quản lý tài nguyên rừng.

d) Hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới trong quản lý lâm nghiệp:

Nhiều định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành được xây dựng từ nhiều năm trước, không còn phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ hiện nay. Trong khi đó, các địa phương ngày càng có nhu cầu sử dụng UAV, ảnh viễn thám độ phân giải cao, thiết bị GPS chuyên dụng, hệ thống giám sát cháy rừng tự động và các công nghệ hiện đại khác trong quản lý tài nguyên rừng. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu nghiên cứu, bổ sung các định mức kinh tế - kỹ thuật mới; cập nhật các quy trình chuyên môn phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ và quá trình chuyển đổi số trong ngành lâm nghiệp.

đ) Đổi mới nội dung đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ:

Sự phát triển nhanh của công nghệ số, các phương thức vi phạm pháp luật mới và yêu cầu hiện đại hóa ngành lâm nghiệp đặt ra nhu cầu đổi mới nội dung, phương thức đào tạo và tập huấn cho lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và cán bộ quản lý lâm nghiệp. Các nội dung mới như ứng dụng UAV, GIS, viễn thám, quản lý dữ liệu số, sử dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý tài nguyên rừng, thu thập chứng cứ điện tử và đấu tranh với các hành vi vi phạm trên không gian mạng cần được nghiên cứu, bổ sung trong chương trình đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ thời gian tới.

Vì vậy, yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh mới, đồng thời tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc triển khai chuyển đổi số, phát triển lâm nghiệp bền vững và nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp

a) Về trồng rừng thay thế:

- Rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến quản lý và sử dụng nguồn tiền trồng rừng thay thế nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn triển khai tại địa phương và thống nhất với quy định của Luật Lâm nghiệp. Nghiên cứu hoàn thiện quy định về thời hạn điều chuyển nguồn tiền trồng rừng thay thế; quy định rõ trình tự, thủ tục và thẩm quyền xác nhận đối với trường hợp địa phương không còn quỹ đất

phù hợp để tổ chức trồng rừng thay thế, tạo điều kiện chủ động trong việc điều chuyển kinh phí trồng rừng thay thế để thực hiện trồng tại địa phương khác.

- Rà soát, làm rõ nguyên tắc ưu tiên bố trí kinh phí trồng rừng thay thế để thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, bảo đảm tổng diện tích thành rừng không thấp hơn diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng và diện tích rừng, đất lâm nghiệp thuộc trường hợp phải nộp tiền trồng rừng thay thế; sau đó mới bố trí thực hiện các biện pháp lâm sinh khác.

- Bổ sung quy định cụ thể về thời điểm hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; nghiên cứu cơ chế xử lý đối với các trường hợp dự án tồn tại sai phạm về chuyển mục đích sử dụng rừng nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận và cho phép khắc phục hậu quả.

- Rà soát sửa đổi quy định về hồ sơ nộp tiền trồng rừng thay thế; sửa đổi, bổ sung đề xuất chuyển kinh phí còn lại để trồng rừng thay thế tại địa phương khác, đối với trường hợp chưa có kế hoạch sử dụng hết số tiền trồng rừng thay thế; bổ sung quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh về thời gian, số tiền phải chuyển.

b) Về quản lý rừng bền vững:

- Bổ sung quy định đầy đủ về chế độ báo cáo, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, trong đó quy định cụ thể thời hạn, tần suất, nội dung và biểu mẫu báo cáo.

- Bổ sung cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin giữa tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và cơ quan quản lý nhà nước nhằm phục vụ công tác theo dõi, quản lý và giám sát.

c) Về phân định ranh giới rừng và điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng:

- Nghiên cứu ban hành quy định về biên độ sai số kỹ thuật cho phép trong quá trình đồng bộ hóa dữ liệu bản đồ rừng với bản đồ địa chính, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để xử lý các trường hợp chồng lấn, sai khác dữ liệu giữa ngành lâm nghiệp và đất đai.

- Rà soát, điều chỉnh các quy định liên quan đến thẩm quyền, trình tự và trách nhiệm công bố hiện trạng rừng nhằm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và tổ chức bộ máy ngành lâm nghiệp sau khi sắp xếp, kiện toàn.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về xây dựng, quản lý, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu lâm nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong điều tra rừng, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng.

d) Về tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng:

- Rà soát, cập nhật nội dung chương trình tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo hướng phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về lâm nghiệp trong giai đoạn chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

- Bổ sung các nội dung đào tạo, bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS), viễn thám, thiết bị bay không người lái (UAV), quản lý cơ sở dữ liệu lâm nghiệp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giám sát tài nguyên rừng.

- Nghiên cứu bổ sung các chuyên đề về thu thập, quản lý và sử dụng chứng cứ điện tử; phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên môi trường mạng; nhận diện các loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các quy định liên quan đến thực thi Công ước CITES.

- Hoàn thiện các quy định về hình thức tổ chức tập huấn theo hướng kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến; tăng cường khả năng tiếp cận, cập nhật kiến thức chuyên môn cho lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và cán bộ lâm nghiệp ở cơ sở.

2. Kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và cán bộ quản lý lâm nghiệp các cấp; tăng cường các nội dung về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), quản lý dữ liệu số, thu thập chứng cứ điện tử và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên không gian mạng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo hướng chuyên sâu, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm báo cáo tổng kết việc thi hành quy định về trồng rừng thay thế; quản lý rừng bền vững; phân định ranh giới rừng và điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng làm cơ sở xây dựng Thông tư quy định chi tiết một số điều và các biện pháp tổ chức thi hành Luật Lâm nghiệp./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CSPPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Triệu Văn Lực